

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Phú Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	510001	Lê Bình An		16/11/2010	THCS Tân Phước	6.25	6.25	3.25	15.75
2	510002	Trần Đăng Dĩ An	x	04/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.50	7.25	21.75
3	510003	Trịnh Đức An		03/11/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	7.00	6.00	18.50
4	510004	Trịnh Đức An		24/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.50	8.75	4.75	19.00
5	510005	Nguyễn Mỹ An	x	17/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.75	7.50	23.25
6	510006	Phan Nguyễn Tường An		27/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	8.00	7.50	9.00	24.50
7	510007	Phan Thị Thủy An	x	13/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	4.25	3.50	13.75
8	510008	Nguyễn Thùy An	x	29/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	7.50	5.25	18.50
9	510009	Cao Thụy Hải An	x	06/09/2010	THCS Phước Hòa	7.00	9.00	9.75	25.75
10	510010	Lê Trần Hoàng An	x	24/10/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	8.00	8.25	21.25
11	510011	Trần Bùi Quang Anh		15/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	6.00	6.25	17.75
12	510012	Đỗ Hà Anh	x	18/04/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.50	7.75	23.25
13	510013	Đặng Hoàng Anh		10/06/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.50	7.00	22.50
14	510014	Lê Hoàng Anh		13/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	7.00	6.75	20.00
15	510015	Nguyễn Hoàng Minh Anh	x	19/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	7.50	6.50	20.25
16	510016	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	x	23/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	5.75	4.50	17.25
17	510017	Nguyễn Khánh Vân Anh	x	14/03/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	7.25	7.25	21.50
18	510018	Trần Lan Anh	x	09/02/2010	THCS Tân Phước	7.75	7.75	6.25	21.75
19	510019	Nguyễn Lê Kim Anh	x	18/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.75	5.75	21.50
20	510020	Phạm Lê Nhất Anh		12/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.25	7.00	20.75
21	510021	Bùi Lê Quỳnh Anh	x	07/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.75	6.00	21.25
22	510022	Nguyễn Lương Minh Anh	x	09/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	6.75	6.25	19.00
23	510023	Hoàng Mai Anh	x	25/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	6.25	6.25	19.50
24	510024	Lê Minh Tuấn Anh		15/11/2010	THCS Tân Phước	6.00	5.75	3.25	15.00
25	510025	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	x	27/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.25	4.75	5.00	14.00
26	510026	Võ Ngọc Hoàng Anh	x	22/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	4.50	3.00	13.75
27	510027	Lê Ngọc Lan Anh	x	26/12/2010	THCS Phú Mỹ	7.50	2.25	2.75	12.50
28	510028	Bùi Ngọc Mỹ Anh	x	21/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.75	8.00	23.75
29	510029	Nguyễn Ngọc Quế Anh	x	23/02/2010	THCS Tân Phước	7.50	6.75	8.75	23.00
30	510030	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	x	11/01/2010	THCS Phú Mỹ	3.25	3.50	5.00	11.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
31	510031	Phan Ngọc Trâm Anh	x	03/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.75	8.00	8.50	24.25
32	510032	Ngô Nguyễn Hồng Anh	x	05/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	5.75	4.75	15.50
33	510033	Trần Nguyễn Hồng Anh	x	31/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	7.50	7.25	19.75
34	510034	Trần Nguyễn Minh Anh	x	28/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.50	9.00	9.50	26.00
35	510035	Lê Nguyễn Ngọc Hoài Anh	x	04/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	7.75	6.75	21.00
36	510036	Ngô Phan Hà Anh	x	19/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.50	8.75	8.00	24.25
37	510037	Ngô Phương Anh	x	08/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.00	5.25	19.25
38	510038	Nguyễn Phương Anh	x	08/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.50	8.50	6.50	22.50
39	510039	Phạm Quang Hoàng Anh		05/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	4.25	9.25	18.00
40	510040	Nguyễn Quỳnh Anh	x	12/04/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.75	7.75	23.50
41	510041	Nguyễn Quỳnh Anh	x	28/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	8.50	8.25	8.50	25.25
42	510042	Phạm Quỳnh Anh	x	14/06/2010	THCS Tân Phước	5.75	4.25	4.25	14.25
43	510043	Trịnh Quỳnh Anh	x	21/07/2010	THCS Tân Phước	6.50	8.25	6.00	20.75
44	510044	Lê Thế Anh		06/02/2010	THCS Phú Mỹ	3.25	6.25	4.00	13.50
45	510045	Nguyễn Thiên Anh	x	06/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	5.00	4.75	15.75
46	510046	Nguyễn Thị Hồng Anh	x	09/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.50	8.25	5.75	19.50
47	510047	Nguyễn Thị Kim Anh	x	06/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	6.50	7.00	20.50
48	510048	Lê Thị Phương Anh	x	17/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	2.50	3.50	11.00
49	510049	Trần Thị Phương Anh	x	03/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	5.50	1.25	12.75
50	510050	Nguyễn Thị Thùy Anh	x	02/06/2010	THCS Phú Mỹ	8.00	8.25	4.00	20.25
51	510051	Trần Thụy Ngọc Anh	x	23/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	3.25	4.50	13.00
52	510052	Huỳnh Trần Công Anh		14/06/2009	THCS Phú Mỹ	6.50	7.75	4.50	18.75
53	510053	Phạm Trần Đức Anh		02/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	5.75	7.50	19.25
54	510054	Đặng Trần Vân Anh	x	08/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.75	8.50	5.00	21.25
55	510055	Nguyễn Trương Bảo Anh		08/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	6.25	4.75	17.75
56	510056	Ngô Tuấn Anh		09/07/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.00	7.50	4.25	16.75
57	510057	Nguyễn Tuấn Anh		17/03/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.00	5.75	20.00
58	510058	Trần Tuấn Anh		10/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	5.50	2.00	12.50
59	510059	Trần Văn Thế Anh		23/06/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	8.00	8.00	22.50
60	510060	Huỳnh Viêt Lê Anh		19/05/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	8.50	8.50	23.25
61	510061	Hồ Viêt Anh	x	28/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	7.25	5.00	17.75
62	510062	Nguyễn Vũ Minh Anh	x	22/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	4.50	8.50	19.50
63	510063	Giáp Vũ Ngọc Anh	x	19/04/2010	THCS Phú Mỹ	8.75	7.25	6.00	22.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
64	510064	Nguyễn Vũ Tuấn Anh		13/05/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	8.50	7.50	23.00
65	510065	Huỳnh Khả Ái	x	10/10/2010	THCS Phú Mỹ	7.50	8.25	6.00	21.75
66	510066	Đặng Ngọc Ánh	x	25/06/2009	THCS Phú Mỹ	7.75	7.50	6.25	21.50
67	510067	Phạm Ngọc Ánh	x	01/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	6.50	8.75	20.50
68	510068	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	x	18/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	8.50	4.25	20.25
69	510069	Đỗ Thị Nguyệt Ánh	x	18/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	7.75	6.25	20.25
70	510070	Trần Thụy Ngọc Ánh	x	23/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	4.00	5.50	14.75
71	510071	Lê Gia Phước Ân		04/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.25	7.50	23.25
72	510072	Trần Hồng Gia Ân		23/06/2010	THCS Tân Phước	7.00	8.75	5.00	20.75
73	510073	Quách Nguyễn Thiên Ân		01/01/2010	THCS Hắc Dịch	6.75	8.50	6.25	21.50
74	510074	Ngô Thiên Ân		16/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	7.75	5.50	18.50
75	510075	Phạm Thiên Ân		12/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	9.50	9.50	25.00
76	510076	Nguyễn Bá Gia Bảo		24/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	6.00	7.00	18.75
77	510077	Ngô Duy Bảo		07/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	7.00	4.75	17.25
78	510078	Bùi Gia Bảo		04/09/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	8.25	8.25	22.00
79	510079	Huỳnh Gia Bảo		06/02/2010	THCS Phú Mỹ	7.25	8.50	8.50	24.25
80	510080	Phạm Gia Bảo		10/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	8.50	8.25	22.00
81	510081	Trần Gia Bảo		07/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.25	7.50	4.25	15.00
82	510082	Trần Gia Bảo		14/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	7.00	8.75	21.75
83	510083	Nguyễn Hoàng Thiên Bảo		10/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	7.75	5.25	18.00
84	510084	Nguyễn Lê Gia Bảo		02/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.25	6.50	3.00	13.75
85	510085	Nguyễn Ngô Thiên Bảo		29/03/2010	THCS Tân Phước	5.75	6.50	4.00	16.25
86	510086	Hồ Nguyễn Gia Bảo		10/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	7.75	4.25	18.25
87	510087	Lương Phan Gia Bảo		29/03/2009	THCS Phú Mỹ				0.00
88	510088	Nguyễn Phạm Huy Bảo		17/02/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	7.00	3.25	15.25
89	510089	Nguyễn Quốc Bảo		17/07/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	5.50	6.50	16.25
90	510090	Phan Thái Bảo		31/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	7.75	7.50	22.25
91	510091	Vô Thế Bảo		12/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	8.50	6.00	20.00
92	510092	Tăng Thế Gia Bảo		25/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.50	9.00	7.25	23.75
93	510093	Phạm Thiên Bảo		06/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	8.50	9.50	22.75
94	510094	Nguyễn Trần Thiên Bảo		21/07/2010	THCS Tân Phước	6.75	7.50	7.75	22.00
95	510095	Lê Viết Gia Bảo		13/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	8.50	4.75	19.50
96	510096	Lê Hoàng Bách		07/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	7.50	6.50	18.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
97	510097	Nguyễn Hoàng Khánh Băng	x	10/06/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	6.00	4.50	14.75
98	510098	Trương Thị Như Băng	x	13/09/2009	THCS Phan Chu Trinh	8.00	9.00	9.25	26.25
99	510099	Trương Anh Bình		18/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	6.50	9.25	19.25
100	510100	Nguyễn Nữ Trường Bình	x	14/03/2010	THCS Phú Mỹ	7.25	7.75	6.25	21.25
101	510101	Vũ Thị Hải Bình	x	21/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.25	8.25	6.00	21.50
102	510102	Phạm Trần Khánh Bình	x	03/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.00	8.00	5.75	18.75
103	510103	Phạm Trần Phúc Bình	x	03/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.75	7.75	5.25	17.75
104	510104	Lưu Thị Ngọc Bích	x	22/01/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	5.25	5.75	15.75
105	510105	Trần Nguyễn Thiên Cầm	x	30/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	8.25	5.50	19.00
106	510106	Hà Bảo Châu	x	11/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.75	8.75	8.25	24.75
107	510107	Lê Hoàng Bảo Châu	x	10/03/2010	THCS Tân Phước	6.00	7.50	5.50	19.00
108	510108	Trần Huỳnh Minh Châu	x	16/08/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.25	8.25	23.50
109	510109	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	x	13/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	8.25	8.50	23.00
110	510110	Lê Nguyễn Ngọc Châu	x	02/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.75	8.75	23.50
111	510111	Trần Phụng Châu	x	01/09/2010	THCS Phú Mỹ	6.75	7.75	6.75	21.25
112	510112	Đặng Trọng Bảo Châu		12/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	8.00	4.00	17.50
113	510113	Nguyễn Hà Chi	x	28/06/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	7.75	6.25	21.00
114	510114	Bùi Huyền Chi	x	22/02/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	4.75	3.50	14.50
115	510115	Nguyễn Mai Tùng Chi	x	23/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	9.00	8.50	24.25
116	510116	Nguyễn Trần Lan Chi	x	10/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	7.75	6.00	20.75
117	510117	Nguyễn Lê Chiến		15/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	6.00	3.75	15.25
118	510118	Thới Phúc Chương		24/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	8.75	7.25	22.50
119	510119	Nguyễn Thành Công		30/08/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	8.75	5.50	19.50
120	510120	Phạm Duy Cường		01/10/2008	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	2.25	1.25	7.00
121	510121	Nguyễn Minh Cường		09/06/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	7.00	5.25	17.25
122	510122	Lê Ngọc Cường		12/01/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.75	2.75	6.50	13.00
123	510123	Trần Quốc Cường		25/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.75	8.25	23.75
124	510124	Đậu Đình Danh		27/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.25	7.25	4.25	15.75
125	510125	Phạm Nguyễn Thành Danh		16/08/2009	THCS Phú Mỹ	5.50	9.00	7.75	22.25
126	510126	Vũ Minh Dân	x	14/12/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	8.75	6.75	20.75
127	510127	Quách Thiên Di	x	28/07/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.00	9.00	24.25
128	510128	Nguyễn Thị Kiều Diễm	x	11/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	7.50	9.75	23.25
129	510129	Lê Thị Ngọc Diễm	x	26/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	8.75	9.50	24.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
130	510130	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	x	21/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	7.50	5.75	19.75
131	510131	Nguyễn Trần Ngọc Diệp	x	19/04/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	8.25	9.25	23.00
132	510132	Nguyễn Phương Diệu	x	24/02/2010	THCS Trương Công Định	6.00	5.50	4.75	16.25
133	510133	Phù Lâm Trung Dung		27/03/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	6.50	7.50	18.50
134	510134	Đặng Thảo Dung	x	14/07/2010	THCS Phú Mỹ	7.25	8.00	8.50	23.75
135	510135	Lê Trần Hoàng Dung	x	18/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.50	8.00	22.50
136	510136	Trần Đình Duy		19/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.25	5.75	20.75
137	510137	Nguyễn Khánh Duy		03/01/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	6.25	2.50	15.00
138	510138	Trần Thanh Duy		04/10/2010	THCS Tân Phước	4.50	8.50	5.75	18.75
139	510139	Trần Thanh Khánh Duy		21/07/2010	THCS Phú Mỹ	3.50	8.00	3.50	15.00
140	510140	Nguyễn Thế Thanh Duy		04/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	8.50	8.25	22.25
141	510141	Bùi Xuân Duy		22/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	6.75	2.50	14.50
142	510142	Nguyễn Hồ Hoài Duyên	x	18/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	4.25	3.00	12.50
143	510143	Lê Anh Dũng		02/04/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	6.75	5.25	18.50
144	510144	Nguyễn Duy Trung Dũng		05/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	8.50	6.50	22.00
145	510145	Trần Đình Tấn Dũng		30/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	4.75	3.00	12.50
146	510146	Đỗ Mạnh Dũng		17/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	7.75	4.50	17.25
147	510147	Phan Minh Dũng		14/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.25	8.50	7.75	20.50
148	510148	Nguyễn Tiến Dũng		01/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.25	7.75	4.00	16.00
149	510149	Phan Lê Thái Dương		08/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	9.50	7.75	21.75
150	510150	Phạm Thanh Dương		01/04/2010	THCS Tân Phước	6.50	4.25	5.75	16.50
151	510151	Nguyễn Thái Dương		18/07/2010	THCS Tân Phước	5.25	8.25	6.75	20.25
152	510152	Đoàn Thị Thùy Dương	x	31/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.25	5.25	3.50	13.00
153	510153	Nguyễn Thùy Dương	x	17/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	3.75	7.75	5.00	16.50
154	510154	Hoàng Linh Đan	x	21/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	8.50	6.50	20.00
155	510155	Huỳnh Phạm Linh Đan	x	28/04/2010	THCS Tân Phước	5.25	8.75	9.25	23.25
156	510156	Nguyễn Mậu Anh Đài	x	03/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.75	6.50	6.00	17.25
157	510157	Phạm Mạnh Đại		05/06/2010	THCS Phước Hòa	3.50	8.50	8.00	20.00
158	510158	Nguyễn Trần Quốc Đại		15/04/2010	THCS Phước Hòa	5.75	8.75	6.50	22.00
159	510159	Nguyễn Quốc Đạt		07/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	8.50	9.25	22.25
160	510160	Nguyễn Tấn Quốc Đạt		24/08/2010	THCS Phú Mỹ	2.75	8.75	8.00	19.50
161	510161	Hoàng Thành Đạt		15/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.75	8.25	23.00
162	510162	Đặng Tiến Đạt		21/09/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	6.00	4.25	14.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
163	510163	Lại Tiến Đạt		18/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.75	7.75	4.75	16.25
164	510164	Phạm Tuấn Đạt		16/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	2.50	8.50	7.50	18.50
165	510165	Nguyễn Đình Hải Đăng		25/11/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	8.75	9.00	22.00
166	510166	Lê Minh Đăng		21/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	3.25	9.00	2.75	15.00
167	510167	Phạm Triệu Đầu		10/05/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	7.25	5.25	16.75
168	510168	Nguyễn Lê Phúc Điền		23/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.25	8.25	6.75	19.25
169	510169	Trần Gia Thục Đoan	x	24/01/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	8.25	8.25	21.50
170	510170	Phan Ngọc Tâm Đoan	x	04/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.00	8.75	22.50
171	510171	Phạm Đình Đoàn		02/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	8.50	9.50	22.75
172	510172	Nguyễn Văn Đoàn		23/02/2010	THCS Tân Phước	4.50	5.25	4.75	14.50
173	510173	Hồ Ba Đức		08/02/2010	THCS Tân Phước	5.00	7.50	5.75	18.25
174	510174	Nguyễn Cao Minh Đức		26/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	6.50	8.00	19.50
175	510175	Tạ Duy Đức		21/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.50	9.50	24.00
176	510176	Trần Hồng Đức		09/09/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	9.00	9.25	23.75
177	510177	Lê Minh Đức		04/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	8.25	8.00	22.50
178	510178	Phạm Tiến Đức		06/08/2010	THCS Phú Mỹ	3.50	6.00	8.25	17.75
179	510179	Chang Xuyen Gia		21/11/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	9.00	9.25	25.00
180	510180	Phạm Huỳnh Hoàng Giang		12/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	9.50	7.75	22.75
181	510181	Hà Kim Hương Giang	x	11/06/2010	THCS Trương Công Định	5.00	7.00	5.25	17.25
182	510182	Trần Quỳnh Giang	x	13/10/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	6.50	6.00	17.25
183	510183	Phạm Quỳnh Hương Giang	x	14/06/2010	THCS Phú Mỹ	3.50	8.00	3.25	14.75
184	510184	Phạm Thị Thanh Giang	x	25/01/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	5.25	3.00	13.00
185	510185	Nguyễn Thị Trường Giang	x	12/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.75	7.25	23.00
186	510186	Nguyễn Đỗ Hải Hà	x	11/07/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	6.50	6.25	18.25
187	510187	Vũ Nguyễn Khánh Hà	x	24/11/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	1.50	6.00	4.00	11.50
188	510188	Lê Nguyễn Thiên Hà	x	10/05/2010	THCS Tân Phước	5.00	7.75	5.25	18.00
189	510189	Mai Thanh Hà	x	16/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.00	7.50	22.50
190	510190	Nguyễn Thị Hà	x	26/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.75	8.00	5.25	18.00
191	510191	Trương Thị Khánh Hà	x	02/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	9.00	8.75	25.25
192	510192	Ngô Quốc Hào		20/09/2009	THCS Tân Phước	5.00	8.00	3.50	16.50
193	510193	Lưu Phước Hải		20/03/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	8.25	8.00	22.00
194	510194	Nguyễn Văn Hải		25/08/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	6.75	3.50	16.00
195	510195	Phạm Hồng Hạnh	x	07/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	4.00	2.00	11.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
196	510196	Đặng Minh Hằng	x	29/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	7.75	5.00	17.75
197	510197	Vũ Nguyễn Thanh Hằng	x	27/02/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	9.00	7.25	22.75
198	510198	Huỳnh Thanh Hằng	x	08/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.75	8.50	23.25
199	510199	Phùng Thị Khánh Hằng	x	25/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.25	6.75	5.75	16.75
200	510200	Lê Thị Mỹ Hằng	x	14/05/2010	THCS Tân Phước	6.75	8.75	7.75	23.25
201	510201	Nguyễn Thị Thanh Hằng	x	04/02/2010	THCS Phú Mỹ	7.50	6.00	5.25	18.75
202	510202	Nguyễn Thị Thu Hằng	x	09/01/2010	THCS Tóc Tiên	6.00	6.00	7.75	20.25
203	510203	Vũ Thị Thuý Hằng	x	15/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	6.00	8.25	21.00
204	510204	Lê Bá Gia Hân	x	01/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.75	8.50	24.00
205	510205	Bao Gia Hân	x	09/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.75	8.75	25.00
206	510206	Lâm Gia Hân	x	07/11/2009	Học viện Anh Quốc	5.50	6.00	3.75	16.25
207	510207	Nguyễn Gia Hân	x	02/05/2010	THCS Tóc Tiên	5.75	6.75	7.25	19.75
208	510208	Trần Gia Hân	x	11/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	9.00	5.75	20.75
209	510209	Vũ Huỳnh Gia Hân	x	17/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	5.00	2.75	13.75
210	510210	Hồ Ngọc Hân	x	19/07/2010	THCS Tân Phước	5.50	6.75	2.00	14.25
211	510211	Hồ Ngọc Hân	x	09/04/2010	THCS Phú Mỹ	2.25	8.50	4.25	15.00
212	510212	Kiều Ngọc Hân	x	09/08/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	8.00	7.50	21.50
213	510213	Nguyễn Ngọc Hân	x	18/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	7.50	4.75	18.75
214	510214	Đào Nguyễn Gia Hân	x	19/07/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	6.25	4.00	17.25
215	510215	Lê Phước Gia Hân	x	30/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	8.50	8.00	23.25
216	510216	Lưu Trần Ngọc Hân	x	09/06/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	7.50	6.50	20.50
217	510217	Nguyễn Phúc Hậu		18/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.75	9.00	24.75
218	510218	Lê Hoàng Thanh Hiền	x	04/12/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	4.00	1.75	10.75
219	510219	Nguyễn Thị Thanh Hiền	x	30/10/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	8.75	6.25	20.00
220	510220	Nguyễn Thúy Hiền	x	28/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	6.25	5.50	18.00
221	510221	Lê Hiếu		07/03/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	8.25	8.25	22.00
222	510222	Nguyễn Chí Hiếu		06/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	9.00	9.00	24.25
223	510223	Phạm Đình Hiếu		17/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	8.50	3.00	16.00
224	510224	Đỗ Minh Hiếu		03/02/2010	THCS Phước Hòa	5.25	8.75	8.00	22.00
225	510225	Tổng Nguyễn Minh Hiếu		08/11/2010	THCS Phú Mỹ	3.25	7.00	6.25	16.50
226	510226	Cao Trung Hiếu		06/10/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	1.75	2.00	2.75	6.50
227	510227	Lê Trung Hiếu		20/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.75	6.75	7.25	17.75
228	510228	Lê Trung Hiếu		02/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.50	7.25	3.00	14.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
229	510229	Lương Trung Hiếu		15/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.00	6.25	20.00
230	510230	Nguyễn Trung Hiếu		21/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.50	6.75	7.75	19.00
231	510231	Nguyễn Trung Hiếu		31/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.75	6.50	20.75
232	510232	Phạm Quỳnh Hoa	x	13/02/2010	THCS Tân Phước	6.00	8.25	5.50	19.75
233	510233	Lê Khắc Tuấn Hoàng		31/07/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.00	7.00	1.75	12.75
234	510234	Lý Minh Hoàng		05/11/2009	THCS Phan Chu Trinh	4.00	7.75	6.00	18.75
235	510235	Nguyễn Minh Hoàng		20/01/2010	THCS Tân Phước	3.50	4.00	6.25	13.75
236	510236	Nguyễn Quốc Gia Hoàng		04/01/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	5.25	3.75	13.75
237	510237	Trần Thủy Hoàng		31/03/2009	THCS ngoài tỉnh	5.00	6.00	2.00	13.00
238	510238	Phạm Tiến Hoàng		12/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.50	8.00	6.50	20.00
239	510239	Nguyễn Trí Minh Hoàng		16/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	3.25	7.00	8.25	18.50
240	510240	Đặng Trọng Huy Hoàng		26/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	5.00	4.50	14.75
241	510241	Lê Việt Hoàng		15/06/2010	THCS Tân Phước	7.50	9.50	7.00	24.00
242	510242	Nguyễn Việt Hoàng		05/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	9.00	6.75	22.25
243	510243	Lê Huỳnh Thái Hòa		02/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.50	9.50	25.00
244	510244	Nguyễn Thế Mạnh Hòa		19/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	9.00	7.75	24.25
245	510245	Phạm Thị Ngọc Hòa	x	03/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	7.00	3.25	16.50
246	510246	Vũ Văn Hòa		19/02/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.75	7.75	23.50
247	510247	Hồ Phi Hổ		16/09/2010	THCS Tân Phước	6.00	7.00	2.75	15.75
248	510248	Hoàng Mai Huệ	x	11/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	7.25	7.00	21.75
249	510249	Phan Thị Huệ	x	15/03/2010	THCS Hắc Dịch	7.50	8.50	6.50	22.50
250	510250	Trần Đăng Gia Huy		02/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	9.00	7.75	24.25
251	510251	Nguyễn Đình Gia Huy		07/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.75	7.25	6.25	20.25
252	510252	Lê Đình Huy		13/09/2008	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.25	5.75	2.75	12.75
253	510253	Nguyễn Đình Huy		17/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.75	9.00	6.50	23.25
254	510254	Đỗ Đức Huy		11/12/2010	THCS Tân Phước	5.00	4.50	2.00	11.50
255	510255	Nguyễn Đức Huy		14/09/2010	THCS Tân Phước	7.00	8.75	7.25	23.00
256	510256	Lê Gia Huy		02/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	9.00	6.50	21.75
257	510257	Trần Gia Huy		04/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.00	5.00	20.00
258	510258	Vì Gia Huy		18/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.75	6.25	22.50
259	510259	Bùi Hoàng Huy		30/10/2010	THCS Tân Phước	6.00	6.50	5.00	17.50
260	510260	Lê Minh Huy		16/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	5.00	3.75	14.50
261	510261	Võ Ngọc Huy		09/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.00	0.75	2.00	5.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
262	510262	Trần Nguyễn Minh Huy		26/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	3.25	5.25	14.00
263	510263	Lâm Nguyễn Nhật Huy		09/04/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	5.00	5.00	16.25
264	510264	Nguyễn Quang Huy		11/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	6.00	5.50	17.50
265	510265	Trần Quang Huy		13/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.00	7.50	3.50	15.00
266	510266	Bùi Quốc Huy		03/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.75	3.50	18.00
267	510267	Trần Quốc Huy		19/05/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	3.75	3.50	11.25
268	510268	Vũ Trần Gia Huy		01/01/2010	THCS Tân Phước	4.50	6.25	2.50	13.25
269	510269	Bùi Văn Huy		18/12/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	3.50	3.25	10.25
270	510270	Lê Văn Bảo Huy		03/02/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	3.25	6.75	15.25
271	510271	Phạm Vũ Minh Huy		01/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	7.50	5.00	18.50
272	510272	Phan Khánh Huyền	x	21/05/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.50	9.00	8.25	22.75
273	510273	Phạm Khánh Huyền	x	06/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.50	6.50	21.75
274	510274	Trần Thảo Huyền	x	27/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.75	8.50	24.25
275	510275	Lê Thị Thanh Huyền	x	10/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	8.50	7.50	23.25
276	510276	Phan Duy Hùng		09/03/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	4.00	5.75	13.75
277	510277	Phạm Đức Hùng		05/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	8.25	8.75	22.00
278	510278	Từ Mạnh Hùng		06/05/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	8.25	4.00	17.50
279	510279	Trần Quốc Hùng		26/12/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	2.00	2.50	9.50
280	510280	Ngô Thanh Hùng		16/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	6.00	4.00	15.25
281	510281	Nguyễn Vũ Mạnh Hùng		24/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	0.75	1.75	6.00
282	510282	Nguyễn Chấn Hưng		29/04/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	9.25	7.75	22.25
283	510283	Lê Nguyễn Gia Hưng		23/07/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	9.00	8.25	23.50
284	510284	Nguyễn Tuấn Hưng		02/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.75	8.00	22.25
285	510285	Nguyễn Xuân Hưng		08/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	6.00	5.00	15.75
286	510286	Lưu Giáng Hương	x	24/12/2010	THCS Phú Mỹ	2.50	7.75	6.25	16.50
287	510287	Nguyễn Mai Hương	x	17/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.75	5.25	20.50
288	510288	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	x	25/02/2010	THCS Trương Công Định	6.50	6.50	2.75	15.75
289	510289	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	x	17/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	7.75	5.00	19.50
290	510290	Võ Phúc Thiên Hương	x	17/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.75	8.75	9.50	25.00
291	510291	Lê Thị Thu Hương	x	17/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	7.25	4.75	18.00
292	510292	Lê Thu Thảo Hương	x	26/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	1.50	7.00	13.00
293	510293	Nguyễn Tuấn Kha		25/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	9.00	8.00	24.50
294	510294	Lê Bảo Khang		25/04/2010	THCS Phú Mỹ	6.75	8.50	6.00	21.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
295	510295	Nguyễn Bảo Khang		27/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	9.00	8.50	24.50
296	510296	Võ Châu Phúc Khang		05/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.00	7.00	21.00
297	510297	Lê Duy Khang		04/08/2010	THCS Phú Mỹ	3.75	7.50	5.75	17.00
298	510298	Vũ Duy Khang		13/03/2010	THCS Tân Phước	4.75	4.25	2.75	11.75
299	510299	Nguyễn Gia Khang		15/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	7.75	2.75	17.50
300	510300	Trần Huỳnh Nguyên Khang		18/11/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.50	7.50	22.25
301	510301	Nguyễn Minh Khang		19/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	8.00	8.75	8.00	24.75
302	510302	Trần Quốc Khang		27/07/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	8.25	6.25	19.00
303	510303	Nguyễn Vĩnh Khang		13/05/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	4.75	3.75	12.50
304	510304	Phan Vĩnh Khang		02/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	8.25	7.25	22.00
305	510305	Trần Vĩnh Khang		25/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.75	6.25	20.50
306	510306	Võ Vĩnh Khang		20/09/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	6.75	5.75	18.25
307	510307	Tổng Vỹ Khang		21/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.50	8.00	6.00	18.50
308	510308	Bùi Duy Khánh		24/08/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.00	8.50	3.75	16.25
309	510309	Võ Đoàn Duy Khánh		23/02/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	8.50	9.50	24.50
310	510310	Lê Hà Minh Khánh	x	10/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.00	7.75	22.25
311	510311	Nguyễn Hoàng Đăng Khánh		05/12/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	9.00	6.75	21.00
312	510312	Ngô Minh Khánh		04/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.25	8.50	23.75
313	510313	Võ Nguyễn Ngân Khánh	x	23/04/2010	THCS Tân Phước	6.75	7.00	8.50	22.25
314	510314	Lê Trịnh Ngân Khánh	x	04/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	8.75	9.50	24.75
315	510315	Nguyễn Vũ Ngọc Khánh	x	07/05/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.75	8.75	7.25	21.75
316	510316	Đặng Lê Khiêm		11/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.50	7.25	21.25
317	510317	Bùi Anh Khoa		22/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	9.00	7.25	21.25
318	510318	Lê Anh Khoa		29/01/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	7.25	5.00	18.00
319	510319	Lê Anh Khoa		06/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	8.75	9.00	22.75
320	510320	Nguyễn Anh Khoa		01/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	8.00	5.00	17.75
321	510321	Bùi Đăng Khoa		01/09/2010	THCS Phú Mỹ	2.50	6.50	4.50	13.50
322	510322	Đào Đăng Khoa		22/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.00	3.50	18.50
323	510323	Trần Hoàng Quốc Khoa		23/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.00	6.25	3.75	14.00
324	510324	Nguyễn Hữu Anh Khoa		24/02/2010	THCS Tân Phước	6.25	8.00	4.00	18.25
325	510325	Trương Nguyễn Anh Khoa		27/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	8.50	6.75	22.50
326	510326	Nguyễn Tuấn Khoa		29/10/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	2.00	6.25	8.75	17.00
327	510327	Trần Anh Khôi		21/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	8.50	5.25	19.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
328	510328	Trần Anh Khôi		13/11/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	5.00	5.50	15.00
329	510329	Trần Anh Khôi		04/02/2010	THCS Phú Mỹ	6.75	8.00	7.00	21.75
330	510330	Lê Nguyễn Minh Khôi		04/01/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	8.50	7.50	20.75
331	510331	Đoàn Hồ Trung Kiên		13/07/2010	THCS Phước Hòa	4.50	8.50	4.25	17.25
332	510332	Trịnh Phan Kiên		30/07/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.50	7.00	21.50
333	510333	Triệu Trí Kiên		11/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.25	6.25	3.00	14.50
334	510334	Phạm Xuân Kiên		03/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.75	8.75	23.50
335	510335	Quách Thị Thúy Kiều	x	19/02/2009	THCS Tân Phước	4.00	5.75	3.25	14.00
336	510336	Bùi Anh Kiệt		28/08/2010	THCS Tân Phước	7.00	9.00	9.00	25.00
337	510337	Phạm Anh Kiệt		31/01/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	6.75	4.25	16.00
338	510338	Nguyễn Gia Kiệt		10/04/2010	THCS Tân Phước	5.50	5.75	6.50	17.75
339	510339	Huỳnh Tấn Kiệt		31/03/2010	THCS Phú Mỹ	3.00	2.75	2.25	8.00
340	510340	Nguyễn Tuấn Kiệt		12/08/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	7.75	6.25	20.00
341	510341	Nguyễn Tuấn Kiệt		09/09/2010	THCS Tân Phước	6.25	8.75	8.25	23.25
342	510342	Nguyễn Nhã Kỳ	x	04/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	7.00	7.25	17.75
343	510343	Phạm Thanh Lam	x	23/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	7.50	6.00	18.50
344	510344	Nguyễn Thị Thanh Lam	x	09/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.75	8.25	4.75	17.75
345	510345	Nguyễn Trương Ngọc Lan	x	26/05/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	6.75	5.50	16.50
346	510346	Trần Bảo Lâm		21/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.00	8.00	5.75	17.75
347	510347	Đỗ Duy Lâm		04/01/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	8.75	8.75	23.00
348	510348	Trương Đại Lâm		08/03/2010	THCS Phú Mỹ	3.75	8.75	5.75	18.25
349	510349	Lưu Hoàng Lâm		27/06/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	8.25	7.75	21.25
350	510350	Trần Hoàng Lâm		16/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	8.25	8.00	22.75
351	510351	Đoàn Hữu Lâm		12/11/2010	THCS Phú Mỹ	3.75	5.00	8.50	17.25
352	510352	Nguyễn Ngọc Thùy Lâm	x	17/12/2010	THCS Tân Phước	5.50	3.00	2.25	10.75
353	510353	Nguyễn Phạm Minh Lâm		04/02/2010	THCS Phú Mỹ	7.25	8.50	8.00	23.75
354	510354	Nguyễn Sơn Lâm		27/04/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	7.25	5.25	16.50
355	510355	Đặng Thái Lâm		19/06/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	6.25	6.25	19.00
356	510356	Lê Trường Lâm		01/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	6.75	8.25	21.00
357	510357	Nguyễn Tùng Lâm		27/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	9.00	8.00	24.00
358	510358	Phạm Vũ Hoàng Lâm		19/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	9.00	9.00	24.75
359	510359	Phan Đình Thanh Liêm		03/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	7.25	4.75	17.75
360	510360	Ngô Ngọc Phương Liên	x	25/09/2010	THCS Tân Phước	6.75	7.00	2.75	16.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
361	510361	Nguyễn Diệu Linh	x	13/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	6.50	3.50	16.50
362	510362	Nguyễn Hoàng Trúc Linh	x	22/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	5.25	4.25	15.50
363	510363	Phan Huỳnh Trúc Linh	x	16/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	2.50	1.00	3.75	7.25
364	510364	Lê Khánh Linh	x	29/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.25	8.50	8.75	24.50
365	510365	Nguyễn Lê Văn Linh		08/04/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	9.00	8.25	22.00
366	510366	Trần Mai Khánh Linh	x	05/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.25	7.25	22.25
367	510367	Phạm Ngọc Linh	x	23/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	6.75	4.50	17.00
368	510368	Huỳnh Ngọc Bảo Linh	x	05/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	7.00	8.00	22.00
369	510369	Lâm Ngọc Diệu Linh	x	01/06/2010	THCS Tân Phước	4.50	7.25	4.75	16.50
370	510370	Vũ Nguyễn Hoàng Linh	x	20/06/2010	THCS Tân Phước	5.00	6.00	6.75	17.75
371	510371	Lê Nguyễn Khánh Linh	x	19/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.25	4.75	19.75
372	510372	Trần Nguyễn Khánh Linh	x	15/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	4.25	3.00	12.25
373	510373	Trần Nguyễn Phương Linh	x	29/09/2010	THCS Trương Công Định	5.00	8.00	7.25	20.25
374	510374	Lê Thiện Linh		02/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	9.00	9.25	24.25
375	510375	Trương Thị Diệu Linh	x	09/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	5.25	4.75	17.50
376	510376	Dương Thị Khánh Linh	x	14/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	6.75	8.00	21.50
377	510377	Nguyễn Thị Phương Linh	x	23/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.75	8.75	6.00	20.50
378	510378	Uông Thị Thùy Linh	x	01/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	7.00	4.25	17.75
379	510379	Đinh Thùy Linh	x	20/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.75	9.00	8.50	25.25
380	510380	Phạm Thùy Linh	x	27/06/2010	THCS Phú Mỹ	7.25	7.50	6.75	22.50
381	510381	Trần Nguyễn Hoàng Linh		29/07/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	8.75	6.25	21.50
382	510382	Lê Hoàng Long		27/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	9.00	9.00	24.25
383	510383	Nguyễn Hoàng Long		29/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	9.00	9.25	24.50
384	510384	Trịnh Hoàng Long		01/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	8.50	8.00	21.75
385	510385	Phạm Hồ Minh Long		27/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	9.00	7.75	23.00
386	510386	Hồ Minh Long		03/09/2010	THCS Phú Mỹ	2.50	4.25	2.75	9.50
387	510387	Nguyễn Ngọc Hoàng Long		08/09/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	7.50	7.75	19.25
388	510388	Phạm Nhật Long		29/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	8.75	8.00	23.25
389	510389	Nguyễn Phương Như Long		02/09/2009	THCS Phú Mỹ	6.00	8.50	7.00	21.50
390	510390	Trần Quang Long		11/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.50	9.25	24.50
391	510391	Trương Thăng Long		10/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	6.25	3.25	15.25
392	510392	Đặng Thiên Long		12/06/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	8.75	9.25	24.50
393	510393	Trần Minh Lộc		13/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	8.50	5.25	20.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
394	510394	Nguyễn Phúc Lộc		05/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	8.75	7.25	23.00
395	510395	Nguyễn Hữu Lợi		17/05/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.00	3.75	2.75	9.50
396	510396	Đinh Kim Lương	x	03/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.25	8.75	6.75	22.75
397	510397	Lê Thành Lượng		12/02/2010	THCS Tóc Tiên	5.75	9.00	8.75	23.50
398	510398	Hoàng Ngọc Lực		11/01/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	8.75	5.00	20.25
399	510399	Lê Hà Diệu Ly	x	05/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	8.00	9.00	7.75	24.75
400	510400	Lương Ngọc Ly	x	22/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	9.00	9.50	23.50
401	510401	Hoàng Vũ Trúc Ly	x	03/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	6.75	4.75	17.75
402	510402	Trương Thiên Lý	x	05/04/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	7.75	7.25	20.00
403	510403	Hồ Nguyễn Phương Mai	x	01/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	8.50	8.50	22.25
404	510404	Phạm Thị Phúc Mai	x	19/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.00	7.50	5.25	17.75
405	510405	Trần Thị Thanh Mai	x	26/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.25	3.25	2.25	8.75
406	510406	Nguyễn Trúc Mai	x	21/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.00	0.75	3.50	7.25
407	510407	Trần Vũ Trúc Mai	x	20/04/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	8.25	4.75	18.25
408	510408	Nguyễn Duy Mạnh		29/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	7.50	4.00	16.25
409	510409	Đào Đăng Mạnh		12/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	7.50	4.00	17.25
410	510410	Mai Hoàng Mẫn		16/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	9.00	8.50	23.25
411	510411	Đinh Bá Nhật Minh		03/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	9.50	7.00	23.50
412	510412	Thái Bình Minh		12/03/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	6.75	8.25	21.00
413	510413	Nguyễn Cao Minh		10/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	8.00	9.00	22.00
414	510414	Thống Đại Minh		20/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.25	8.50	5.75	19.50
415	510415	Lê Đặng Quang Minh		06/08/2010	THCS Tân Phước	5.25	5.00	3.00	13.25
416	510416	Nguyễn Đức Minh		20/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	8.25	7.75	20.50
417	510417	Trần Gia Cát Minh		01/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	9.00	6.75	21.00
418	510418	Đặng Hoàng Minh		20/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	4.00	2.25	10.75
419	510419	Lê Huy Gia Minh		06/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	8.50	7.25	21.00
420	510420	Vũ Hữu Nhật Minh		03/01/2010	THCS Tân Phước	5.25	8.75	5.00	19.00
421	510421	Lê Ích Minh		02/09/2010	THCS Phú Mỹ	3.50	8.75	6.75	19.00
422	510422	Võ Lê Bình Minh		18/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.75	6.00	4.50	14.25
423	510423	Trần Ngọc Minh		24/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.50	8.75	8.00	22.25
424	510424	Hà Nguyễn Nhật Minh		07/08/2010	THCS Hùng Vương (PM)	4.00	8.75	9.00	22.75
425	510425	Lê Quang Minh		20/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	9.00	9.00	26.25
426	510426	Nguyễn Trọng Gia Minh		02/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.25	7.50	21.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
427	510427	Nguyễn Trọng Tuấn Minh		08/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.75	8.75	8.75	25.25
428	510428	Lê Tuấn Minh		02/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.25	7.75	22.00
429	510429	Đỗ Xuân Minh		09/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.75	8.50	8.00	22.25
430	510430	Trịnh Cao Trà My	x	01/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	8.00	8.75	9.00	25.75
431	510431	Đinh Hà My	x	08/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.50	9.50	23.75
432	510432	Hoàng Hà My	x	22/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.75	9.00	9.25	26.00
433	510433	Lê Hà My	x	29/01/2010	THCS Tân Phước	6.00	7.50	3.25	16.75
434	510434	Trần Hoàng Kiều My	x	07/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	6.75	5.25	19.00
435	510435	Trương Ngọc Khánh My	x	10/01/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	6.75	4.75	16.00
436	510436	Phạm Ngọc Thảo My	x	21/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.25	9.00	23.25
437	510437	Nguyễn Ngọc Trà My	x	07/07/2010	THCS Tân Phước	5.75	6.25	6.75	18.75
438	510438	Đinh Phạm Trà My	x	29/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	7.25	7.75	22.00
439	510439	Nguyễn Thảo My	x	28/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	8.00	8.50	23.75
440	510440	Trần Thảo My	x	03/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	7.25	5.00	19.25
441	510441	Đỗ Thị Thảo My	x	06/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	7.75	5.00	18.00
442	510442	Lê Thị Trà My	x	19/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.75	6.50	7.50	21.75
443	510443	Nguyễn Thị Trà My	x	18/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.75	6.75	7.00	20.50
444	510444	Nguyễn Trà My	x	13/08/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	8.25	3.75	18.00
445	510445	Nguyễn Trần Diễm My	x	18/05/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.25	8.50	8.00	23.75
446	510446	Ngô Trần Trúc My	x	13/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	7.50	8.50	22.50
447	510447	Hoàng Nam		03/12/2010	THCS Phú Mỹ				0.00
448	510448	Nguyễn Bảo Nam		12/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	7.50	7.50	21.50
449	510449	Nguyễn Bảo Nam		04/05/2010	THCS Tân Phước	6.50	8.00	4.25	18.75
450	510450	Nguyễn Hoàng Nam		07/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	9.00	8.50	23.75
451	510451	Phạm Hoàng Nam		30/01/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.00	7.25	22.50
452	510452	Vũ Hoàng Nam		14/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	7.75	5.25	19.00
453	510453	Trần Hồng Nam		22/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	5.00	4.75	14.75
454	510454	Nguyễn Nhật Nam		10/02/2010	THCS Tân Phước	5.50	6.50	5.00	17.00
455	510455	Nguyễn Thành Nam		18/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	7.75	4.75	17.75
456	510456	Nguyễn Thành Nam		01/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.25	7.25	21.25
457	510457	Hoàng Trọng Nam		13/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.50	5.25	19.50
458	510458	Nguyễn Vũ Hoàng Nam		31/03/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	8.00	4.75	17.75
459	510459	Lê Nguyễn Phương Nga	x	17/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	8.00	8.00	21.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
460	510460	Trương Nguyễn Phương Nga	x	17/06/2010	THCS Phú Mỹ	6.75	8.75	6.25	21.75
461	510461	Lê Thị Thúy Nga	x	02/10/2010	THCS Tân Phước	6.00	8.75	6.50	21.25
462	510462	Phạm Đoàn Hạnh Ngân	x	29/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	9.00	7.25	23.25
463	510463	Lê Khánh Ngân	x	20/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	8.00	7.75	8.50	24.25
464	510464	Đỗ Ngô Khánh Ngân	x	08/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	4.25	4.00	13.25
465	510465	Vũ Nguyễn Ánh Ngân	x	30/01/2010	THCS Chu Văn An (PM)	6.00	6.25	5.50	18.75
466	510466	Phan Thị Hoàng Ngân	x	10/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	6.50	3.50	17.00
467	510467	Hoàng Thị Mỹ Ngân	x	02/07/2010	THCS Tân Phước	7.25	7.75	8.25	23.25
468	510468	Bùi Thị Quỳnh Ngân	x	25/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.75	8.75	6.75	20.25
469	510469	Nguyễn Thị Thúy Ngân	x	02/11/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	5.00	6.25	17.75
470	510470	Nguyễn Thu Ngân	x	03/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	4.75	6.00	15.75
471	510471	Trần Thụy Ngân	x	10/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	3.50	3.00	12.00
472	510472	Nguyễn Tuyết Ngân	x	31/05/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	8.50	6.25	20.00
473	510473	Phan Vũ Kim Ngân	x	18/06/2010	THCS Tân Phước	6.00	7.50	6.00	19.50
474	510474	Vũ Gia Nghi	x	04/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	6.00	6.50	17.75
475	510475	Nguyễn Hồ Phương Nghi	x	01/10/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	7.25	4.50	17.75
476	510476	Trần Nguyễn Xuân Nghi	x	11/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	5.50	6.75	18.25
477	510477	Trần Thị Phương Nghi	x	04/05/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	6.25	2.75	14.75
478	510478	Trương Quốc Nghĩa		22/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.00	7.25	21.25
479	510479	Võ Thành Nghĩa		08/11/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	4.75	3.00	14.00
480	510480	Nguyễn Trung Nghĩa		10/04/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	8.75	6.50	20.00
481	510481	Ngô Bảo Ngọc	x	13/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	8.50	8.25	23.25
482	510482	Nguyễn Bảo Thanh Ngọc	x	30/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.00	5.75	19.75
483	510483	Đào Bích Ngọc	x	31/08/2010	THCS Tân Phước	6.25	7.00	6.50	19.75
484	510484	Nguyễn Bích Ngọc	x	20/03/2010	THCS Phước Hòa	5.75	7.50	8.75	22.00
485	510485	Nguyễn Đình Bảo Ngọc	x	11/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	8.00	7.25	22.25
486	510486	Trần Gia Bảo Ngọc	x	17/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.25	6.50	1.75	11.50
487	510487	Mai Hoàng Ánh Ngọc	x	01/05/2010	THCS Phú Mỹ	3.00	3.50	1.25	7.75
488	510488	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	x	02/10/2009	THCS Tân Phước	6.25	7.00	3.00	16.25
489	510489	Lưu Khánh Ngọc	x	21/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	7.50	6.00	20.50
490	510490	Nguyễn Lê Thảo Ngọc	x	05/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.25	5.50	19.75
491	510491	Đỗ Nguyễn Bảo Ngọc	x	13/04/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	6.25	3.00	14.50
492	510492	Phạm Như Ngọc	x	14/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	8.25	7.25	20.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
493	510493	Nguyễn Phan Khánh Ngọc	x	26/05/2010	THCS Tân Phước	6.00	5.50	3.25	14.75
494	510494	Bùi Thanh Bảo Ngọc	x	03/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	5.50	7.50	20.00
495	510495	Nguyễn Thế Ngọc		05/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.75	8.25	24.00
496	510496	Lê Thị Bảo Ngọc	x	16/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	6.00	3.00	16.00
497	510497	Hứa Thị Khánh Ngọc	x	01/08/2010	THCS Phú Mỹ	7.75	8.50	8.75	25.00
498	510498	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	x	24/06/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	7.00	6.50	19.00
499	510499	Bồ Thị Thanh Ngọc	x	08/10/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	7.75	4.25	18.50
500	510500	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	x	21/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.50	5.00	19.50
501	510501	Nguyễn Thùy Ánh Ngọc	x	11/02/2010	THCS Tân Phước	6.00	8.00	4.50	18.50
502	510502	Hoàng Trần Bảo Ngọc	x	28/01/2010	THCS Hắc Dịch	6.50	8.50	8.00	23.00
503	510503	Phạm Trần Như Ngọc	x	24/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	7.75	6.00	20.75
504	510504	Nguyễn Võ Kim Ngọc	x	24/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	8.75	8.00	23.50
505	510505	Trần Vy Khánh Ngọc	x	12/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.75	9.00	24.50
506	510506	Võ Hoài An Nguyên		01/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	6.25	8.00	20.25
507	510507	Hứa Hoàng Ái Nguyên	x	21/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	8.50	9.00	23.75
508	510508	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	x	17/05/2009	THCS Phan Chu Trinh	6.75	6.75	4.75	18.25
509	510509	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	x	21/08/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	7.00	5.00	17.25
510	510510	Trịnh Nguyễn Khôi Nguyên		25/11/2010	THCS Tân Phước	6.50	9.00	8.00	23.50
511	510511	Trần Thị Thảo Nguyên	x	22/04/2010	THCS Tân Phước	7.75	8.00	7.00	23.75
512	510512	Lại Thị Nhài	x	16/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	7.00	1.75	14.00
513	510513	Hoàng Ngọc Bích Nhã	x	01/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	6.00	5.00	16.00
514	510514	Đào Anh Nhân		09/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.75	8.50	6.00	20.25
515	510515	Bùi Đức Nhân		02/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.25	7.00	4.00	15.25
516	510516	Nguyễn Thành Nhân		29/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	1.25	4.00	3.50	8.75
517	510517	Nguyễn Thiện Nhân		17/05/2010	THCS Hắc Dịch	3.25	2.00	2.75	8.00
518	510518	Đặng Trần Thiện Nhân		28/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	9.50	7.75	23.75
519	510519	Nguyễn Thống Nhất		27/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	6.25	3.75	15.00
520	510520	Trần Đình Minh Nhật		27/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	5.75	7.75	18.50
521	510521	Bùi Đoàn Minh Nhật		15/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	6.75	1.50	13.25
522	510522	Nguyễn Huy Nhật		06/11/2010	THCS Lê Hồng Phong (PM)	5.75	7.75	3.75	17.25
523	510523	Hoàng Minh Nhật		30/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	7.75	5.00	17.50
524	510524	Phạm Minh Nhật		16/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	7.00	4.50	16.50
525	510525	Lê Trần Lâm Nhật		26/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	6.75	4.75	16.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
526	510526	Nguyễn Trinh Minh Nhật		15/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	6.00	4.75	16.50
527	510527	Đỗ Đào Ngọc Nhi	x	10/11/2008	THCS Võ Văn Kiệt (PM)				0.00
528	510528	Đinh Hoàng Nhi	x	11/06/2010	THCS Phước Hòa	5.00	7.75	3.00	15.75
529	510529	Trần Hoàng Bảo Nhi	x	22/04/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	7.50	2.50	15.00
530	510530	Bùi Hoàng Yến Nhi	x	16/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	5.50	7.50	19.50
531	510531	Lê Hoàng Yến Nhi	x	06/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	6.25	5.00	17.25
532	510532	Phan Ngọc Hà Nhi	x	17/08/2010	THCS Tân Phước	6.00	5.00	7.00	18.00
533	510533	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	x	12/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.25	7.00	21.00
534	510534	Trần Thị Ngọc Nhi	x	26/10/2009	THCS Phú Mỹ	4.00	5.25	2.75	12.00
535	510535	Lê Thị Quỳnh Nhi	x	05/12/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	7.75	3.75	17.25
536	510536	Võ Trần Kiều Nhi	x	10/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	6.75	6.50	20.00
537	510537	Phan Võ Quỳnh Nhi	x	10/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.00	6.50	21.50
538	510538	Đoàn Xuân Nhi	x	17/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.75	8.00	7.25	22.00
539	510539	Phạm Yến Nhi	x	14/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.50	2.75	17.25
540	510540	Vũ Yến Nhi	x	25/07/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.50	6.50	6.75	17.75
541	510541	Huỳnh Thị Ngọc Nhiên	x	05/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	1.75	2.00	7.25
542	510542	Phan Bích Minh Như	x	02/03/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	8.75	9.25	23.00
543	510543	Nguyễn Bùi Gia Như	x	01/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.25	7.25	5.00	16.50
544	510544	Nguyễn Ngọc Bảo Như	x	24/01/2010	THCS Tân Phước	7.00	8.50	6.50	23.00
545	510545	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	x	14/12/2010	THCS Phan Chu Trinh				0.00
546	510546	Phan Ngọc Quỳnh Như	x	31/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	5.00	5.25	15.00
547	510547	Lê Nguyễn Hương Như	x	10/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	6.25	4.50	15.75
548	510548	Trương Nguyễn Quỳnh Như	x	03/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	7.25	6.50	20.00
549	510549	Trần Phan Ngọc Như	x	31/10/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	1.50	1.75	2.25	6.50
550	510550	Bùi Quỳnh Như	x	30/08/2010	THCS Tân Phước	7.00	9.00	8.00	24.00
551	510551	Vũ Quỳnh Như	x	07/01/2010	THCS Tân Phước	6.75	8.25	6.25	21.25
552	510552	Nguyễn Thị Bảo Như	x	13/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.25	5.75	21.00
553	510553	Trần Thị Quỳnh Như	x	09/06/2010	THCS Phước Hòa	5.75	8.75	6.50	21.00
554	510554	Trần Thị Thanh Như	x	13/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	8.75	8.75	23.00
555	510555	Bùi Trần Tường Như	x	01/01/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	8.25	7.75	22.00
556	510556	Mai Yến Như	x	08/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	7.75	6.75	22.00
557	510557	Vũ Kiều Oanh	x	30/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.25	7.50	22.75
558	510558	Lê Kỳ Oanh	x	14/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	6.00	4.25	16.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
559	510559	Võ Nguyễn Hoàng Oanh	x	20/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	8.75	6.50	21.75
560	510560	Nguyễn Bá Phát		09/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.75	9.25	24.00
561	510561	Mai Đình Phát		16/01/2010	THCS Tân Phước	6.50	8.75	6.00	21.25
562	510562	Tổng Gia Phát		03/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	3.50	6.25	5.75	15.50
563	510563	Lê Minh Phát		17/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	9.25	6.00	20.50
564	510564	Lại Thành Phát		12/11/2010	THCS Tân Phước	4.25	7.75	5.00	17.00
565	510565	Cao Thạch Đức Phát		21/01/2010	THCS Tân Phước	3.75	8.25	2.75	14.75
566	510566	Nguyễn Văn Phát		09/10/2010	THCS Phú Mỹ	2.50	4.25	3.50	10.25
567	510567	Trần Hoàng Phi		27/09/2010	THCS Phước Hòa	4.00	9.00	6.75	19.75
568	510568	Trịnh Kim Phi		03/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.75	8.00	22.75
569	510569	Đỗ Bách Phong		04/07/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	3.25	5.00	12.25
570	510570	Hồ Thanh Phong		27/02/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	6.75	7.00	19.25
571	510571	Trần Thái Phong		02/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	9.00	8.25	24.75
572	510572	Nguyễn Uy Phong		07/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.25	4.25	2.00	10.50
573	510573	Nguyễn Thị Phong	x	05/03/2010	THCS Phú Mỹ	3.50	4.75	3.75	12.00
574	510574	Nguyễn Ngọc Phú		23/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	3.25	8.25	4.50	16.00
575	510575	Nguyễn Quốc Phú		23/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.75	4.25	3.50	11.50
576	510576	Nguyễn Thanh Phú		06/06/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	8.50	6.75	19.50
577	510577	Đinh Trần Quang Phú		27/04/2010	THCS Tân Phước	4.75	6.00	4.50	15.25
578	510578	Phan Trọng Phú		26/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	8.25	5.75	19.00
579	510579	Nguyễn Viết Xuân Phú		06/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	3.50	3.25	11.50
580	510580	Trịnh Xuân Phú		28/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	8.25	6.00	19.50
581	510581	Nguyễn Hoàng Phúc		14/09/2010	THCS Phước Hòa	5.00	8.50	6.25	19.75
582	510582	Mai Hồ Hồng Phúc	x	06/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	8.50	6.25	21.00
583	510583	Nguyễn Hồng Phúc	x	15/10/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	7.75	6.25	21.00
584	510584	Trần Hồng Phúc		19/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.00	3.50	2.50	10.00
585	510585	Trần Lê Đại Phúc		05/05/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	8.00	6.25	18.25
586	510586	Lê Minh Phúc		14/09/2010	THCS Tân Phước	5.25	4.50	3.75	13.50
587	510587	Lê Nguyên Phúc		22/03/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	7.75	7.50	20.50
588	510588	Trần Nguyễn Gia Phúc		15/05/2010	THCS Tân Phước	4.75	1.50	2.00	8.25
589	510589	Phạm Tâm Phúc		14/10/2009	THCS Tân Phước	3.50	7.50	4.50	15.50
590	510590	Nguyễn Văn Phúc		12/01/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.75	3.50	4.25	11.50
591	510591	Nguyễn Vũ Huy Phúc		26/12/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	6.75	5.75	18.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
592	510592	Nguyễn Xuân Phúc		24/02/2008	THCS Phan Bội Châu (PM)				0.00
593	510593	Trần Đông Phương		19/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	7.75	3.25	15.75
594	510594	Nguyễn Lê Phương	x	27/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.75	5.75	6.25	16.75
595	510595	Nguyễn Mai Phương	x	19/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	7.50	5.25	19.75
596	510596	Lại Minh Phương		15/09/2010	THCS Tân Phước	5.00	8.00	5.75	18.75
597	510597	Nguyễn Nam Phương		16/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.00	5.75	7.00	16.75
598	510598	Đào Ngọc Bảo Phương	x	03/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	2.75	3.50	12.00
599	510599	Lê Nguyễn Hoài Phương	x	17/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.75	8.00	23.50
600	510600	Trần Nguyễn Hoài Phương	x	08/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	8.75	9.00	25.00
601	510601	Trịnh Nguyễn Nguyên Phương	x	19/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	3.00	8.25	6.25	17.50
602	510602	Nguyễn Phạm Đan Phương	x	31/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	6.25	4.50	17.00
603	510603	Phạm Phương Phương	x	17/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.75	8.75	9.00	24.50
604	510604	Nguyễn Thị Lan Phương	x	16/11/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	6.25	7.75	18.50
605	510605	Nguyễn Thị Mai Phương	x	29/09/2010	THCS Tân Phước	6.50	7.75	8.75	23.00
606	510606	Trần Thị Minh Phương	x	10/07/2010	THCS Phú Mỹ	3.50	8.25	6.75	18.50
607	510607	Nguyễn Thị Ngọc Phương	x	13/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	5.00	7.25	17.00
608	510608	Nguyễn Trúc Phương	x	13/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	8.75	8.25	23.75
609	510609	Lê Uyên Phương	x	03/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	8.25	9.00	22.50
610	510610	Nguyễn Gia Phước		17/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	9.00	8.25	23.75
611	510611	Hồ Hữu Phước		19/11/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	7.25	6.25	17.75
612	510612	Lê Nhật Quan		01/04/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	4.75	5.75	15.00
613	510613	Đinh Duy Quang		10/08/2010	THCS Phú Mỹ	3.25	5.75	6.00	15.00
614	510614	Nguyễn Duy Quang		11/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	7.75	4.25	18.00
615	510615	Trần Đăng Quang		22/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	9.25	6.00	22.75
616	510616	Trần Đức Quang		28/06/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	8.50	8.75	23.00
617	510617	Lê Minh Quang		26/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.50	7.75	6.00	18.25
618	510618	Giang Thành Quang		13/03/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	8.50	7.75	20.25
619	510619	Mai Việt Quang		08/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.00	7.00	3.50	15.50
620	510620	Phạm Vũ Duy Quang		02/09/2010	THCS ngoài tỉnh	5.50	8.75	6.75	21.00
621	510621	Hoàng Quân		25/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	8.50	8.50	23.50
622	510622	Hà Anh Quân		06/06/2010	THCS Phú Mỹ	3.00	5.50	3.00	12.50
623	510623	Nguyễn Anh Quân		30/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	8.75	7.75	21.50
624	510624	Lê Hoàng Quân		25/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.00	8.75	6.00	18.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
625	510625	Đỗ Hoàng Minh Quân		20/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	8.75	8.75	23.25
626	510626	Bùi Lương Hoàng Quân		16/04/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	7.75	7.00	19.75
627	510627	Đặng Minh Quân		04/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	8.25	8.25	23.00
628	510628	Nguyễn Minh Quân		21/10/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	9.00	7.75	21.50
629	510629	Trần Nguyễn Đông Quân		10/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.50	4.25	3.75	12.50
630	510630	Nguyễn Trung Quân		23/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	2.00	7.50	4.00	13.50
631	510631	Nguyễn Văn Thành Quốc		13/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	3.00	4.25	5.25	12.50
632	510632	Đỗ Hoàng Quyên	x	19/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	8.75	5.75	19.75
633	510633	Hoàng Lệ Quyên	x	11/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.75	8.75	6.50	22.00
634	510634	Trần Ngọc Nhã Quyên	x	30/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)				0.00
635	510635	Nguyễn Minh Quyên		20/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.50	5.25	4.00	13.75
636	510636	Nguyễn Đức Quyết		26/07/2010	THCS Tân Phước	4.00	4.75	3.75	12.50
637	510637	Lương Minh Quyết		28/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	8.75	5.50	20.75
638	510638	Nguyễn Diễm Quỳnh	x	12/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.75	7.25	7.75	21.75
639	510639	Trần Lê Như Quỳnh	x	30/12/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	8.25	5.25	19.00
640	510640	Cao Lê Trúc Quỳnh	x	25/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.00	6.00	2.50	12.50
641	510641	Vũ Ngọc Như Quỳnh	x	08/10/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	4.75	3.75	14.25
642	510642	Trần Thị Diễm Quỳnh	x	06/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	4.75	2.25	13.75
643	510643	Phạm Thị Như Quỳnh	x	21/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.75	8.25	7.75	23.75
644	510644	Dương Thị Trút Quỳnh	x	23/03/2010	THCS Tân Phước	4.75	4.00	2.25	11.00
645	510645	Vòng Trần Trúc Quỳnh	x	13/01/2010	THCS Hắc Dịch	8.00	8.25	9.50	26.75
646	510646	Hoàng Trúc Quỳnh	x	17/11/2010	THCS Tân Phước	6.50	7.75	4.25	18.50
647	510647	Lê Trương Diễm Quỳnh	x	07/11/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	5.25	5.25	15.50
648	510648	Võ Đăng Thanh Sang		03/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	6.50	4.25	16.00
649	510649	Phạm Đức Sang		12/01/2010	THCS Phú Mỹ	4.25	5.75	4.25	14.25
650	510650	Phạm Lê Trường Sang		27/04/2010	THCS Phú Mỹ	6.75	9.50	9.00	25.25
651	510651	Đinh Tấn Sang		23/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	8.50	8.75	24.75
652	510652	Trương Tấn Sang		08/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.75	7.00	22.75
653	510653	Phạm Quang Sáng		01/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	9.00	7.75	23.75
654	510654	Nguyễn Hoàng Sơn		14/09/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	9.00	8.50	23.75
655	510655	Đỗ Hoàng Thái Sơn		21/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	7.25	6.50	20.50
656	510656	Trần Ngọc Sơn		08/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	8.00	8.00	20.75
657	510657	Nguyễn Anh Tài		26/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.75	7.50	22.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
658	510658	Lương Phước Tài		10/05/2010	THCS Tân Phước	4.00	6.25	3.50	13.75
659	510659	Trần Ngọc Thanh Tâm	x	24/03/2010	THCS Tân Phước	7.50	8.00	8.25	23.75
660	510660	Trần Thành Tâm		13/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	6.25	6.00	17.25
661	510661	Bùi Trầm Minh Tâm		19/02/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	3.00	4.75	13.50
662	510662	Đặng Trần Đoan Tâm	x	30/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	8.25	7.00	21.50
663	510663	Lại Quốc Tấn		05/12/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	5.25	4.75	15.50
664	510664	Nguyễn Chí Thanh		05/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.25	6.75	21.00
665	510665	Nguyễn Mai Thanh	x	05/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	6.25	5.25	17.50
666	510666	Trịnh Trọng Thanh		20/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	7.25	4.75	18.25
667	510667	Võ Hoàng Thành		14/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	3.50	3.00	12.25
668	510668	Lâm Mai Đức Thành		26/02/2010	THCS Phú Mỹ	3.25	5.50	5.00	13.75
669	510669	Nguyễn Danh Thảo	x	11/11/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	6.75	2.75	15.00
670	510670	Lê Nguyễn Hiền Thảo	x	24/11/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	8.25	8.75	23.50
671	510671	Nguyễn Thanh Thảo	x	20/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.25	7.50	22.75
672	510672	Trần Thị Phương Thảo	x	30/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	6.75	5.75	16.00
673	510673	Bùi Thị Thanh Thảo	x	17/07/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	7.25	6.50	19.75
674	510674	Vũ Trần Phương Thảo	x	02/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	4.75	3.75	15.25
675	510675	Phan Đức Thái		30/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	6.50	4.00	17.25
676	510676	Nguyễn Lê Thị Hồng Thắm	x	20/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.75	7.00	6.75	17.50
677	510677	Chu Hồ Quốc Thắng		20/07/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	8.75	6.00	19.50
678	510678	Trần Minh Thắng		01/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	5.75	2.50	13.50
679	510679	Nguyễn Thành Thắng		18/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	5.25	6.75	18.50
680	510680	Nguyễn Văn Thế		01/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	7.75	4.75	19.00
681	510681	Đặng Ngọc Hoài Thi	x	06/04/2010	THCS Phú Mỹ	7.50	8.75	8.25	24.50
682	510682	Võ Hoài Minh Thiên		03/06/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	4.50	3.75	14.00
683	510683	Nguyễn Nhật Thiên		20/09/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	7.00	6.50	19.25
684	510684	Lê Phan Giang Thiên		19/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	5.25	6.25	16.25
685	510685	Nguyễn Tấn Quốc Thiên		12/01/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.75	8.25	23.25
686	510686	Nguyễn Duy Thiện		24/01/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.25	9.00	22.75
687	510687	Nguyễn Quang Thiện		12/01/2010	THCS Tân Phước	5.75	6.50	7.25	19.50
688	510688	Nguyễn Văn Minh Thiện		30/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	9.50	9.25	25.50
689	510689	Lê Chế Gia Thịnh		28/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	7.00	8.75	21.75
690	510690	Vũ Đức Thịnh		04/10/2010	THCS Phú Mỹ				0.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
691	510691	Trần Huy Thịnh		19/01/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	3.75	5.00	14.00
692	510692	Ngô Phú Thịnh		26/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.25	8.50	7.00	22.75
693	510693	Bùi Thị Anh Thơ	x	15/08/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	8.00	5.75	20.25
694	510694	Phạm Thị Khánh Thu	x	12/09/2010	THCS Phú Mỹ	6.75	8.00	3.00	17.75
695	510695	Nguyễn Hữu Lâm Thuận		13/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.75	8.75	24.25
696	510696	Dương Đặng Như Thuận	x	11/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	7.75	6.25	21.25
697	510697	Nguyễn Hữu Thuận		14/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.00	5.75	7.25	17.00
698	510698	Trần Lê Hiếu Thuận		15/08/2009	THCS Phú Mỹ	6.50	9.00	8.25	23.75
699	510699	Đỗ Minh Thuận		01/01/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	8.75	8.25	23.50
700	510700	Phan Minh Thuận		30/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.00	6.00	6.75	16.75
701	510701	Lê Ngọc Phương Thủy	x	11/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	7.25	6.00	20.00
702	510702	Nguyễn Ngọc Phương Thủy	x	09/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.50	6.00	3.00	13.50
703	510703	Trần Lý Phong Thủy		10/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	3.00	5.25	2.25	11.50
704	510704	Phan Vũ Thu Thủy	x	01/10/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	8.50	7.00	21.00
705	510705	Phạm Anh Thư	x	21/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.00	3.75	2.50	10.25
706	510706	Trần Anh Thư	x	27/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	8.75	9.00	24.75
707	510707	Trần Anh Thư	x	04/12/2010	THCS Tân Phước	6.25	8.75	6.75	21.75
708	510708	Lê Hoàng Diệu Thư	x	14/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	8.50	5.00	19.75
709	510709	Thái Hồ Hạnh Thư	x	17/01/2010	THCS Tân Phước	5.75	8.75	7.50	22.00
710	510710	Trần Khánh Thư	x	23/07/2010	THCS Phú Mỹ	3.75	5.50	6.00	15.25
711	510711	Đặng Lê Anh Thư	x	27/07/2010	THCS Phú Mỹ	7.25	8.75	6.50	22.50
712	510712	Nguyễn Lê Anh Thư	x	16/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.50	5.25	19.75
713	510713	Võ Minh Thư	x	26/11/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.25	7.75	22.25
714	510714	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	28/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	7.50	4.25	15.25
715	510715	Trần Ngọc Anh Thư	x	26/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.00	5.75	6.75	17.50
716	510716	Nguyễn Ngọc Hồng Thư	x	02/12/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.75	7.75	22.75
717	510717	Đặng Ngọc Minh Thư	x	26/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	6.50	5.00	16.25
718	510718	Bùi Nguyễn Anh Thư	x	15/07/2009	THCS Phú Mỹ	3.00	5.75	1.75	10.50
719	510719	Hoàng Nguyễn Anh Thư	x	17/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	9.00	9.00	23.25
720	510720	Trần Nguyễn Anh Thư	x	18/02/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.00	8.25	8.75	22.00
721	510721	Vũ Nguyễn Minh Thư	x	11/05/2010	THCS Tân Phước	4.50	5.00	2.50	12.00
722	510722	Phạm Thanh Thư	x	16/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.50	6.75	22.25
723	510723	Đào Thị Anh Thư	x	18/05/2010	THCS Phú Mỹ	6.25	8.00	7.25	21.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
724	510724	Phạm Thị Ánh Thư	x	13/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	7.25	3.75	17.50
725	510725	Châu Thị Khánh Thư	x	12/10/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	8.50	6.50	21.00
726	510726	Lê Thị Hoài Thương	x	12/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	8.00	8.50	8.50	25.00
727	510727	Nguyễn Bảo Thy	x	11/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	4.50	2.75	12.75
728	510728	Lê Hoàng Bảo Thy	x	28/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	8.75	9.00	25.25
729	510729	Đào Ngọc Khánh Thy	x	22/07/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.75	7.25	22.50
730	510730	Ma Nguyễn Hiền Thy	x	22/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	6.00	7.25	21.00
731	510731	Nguyễn Quỳnh Thy	x	17/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.50	7.75	22.25
732	510732	Nguyễn Thị Diệu Thy	x	31/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.75	6.25	3.50	16.50
733	510733	Châu Võ Quỳnh Thy	x	21/07/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	7.25	3.75	16.50
734	510734	Đinh Ngọc Thủy Tiên	x	21/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	7.75	6.00	19.25
735	510735	Phạm Nguyễn Cát Tiên	x	15/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	7.25	5.00	18.75
736	510736	Trần Phan Huỳnh Tiên	x	07/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	4.75	4.25	14.50
737	510737	Lê Thị Cẩm Tiên	x	12/05/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	7.25	4.25	18.00
738	510738	Hoàng Thị Mỹ Tiên	x	16/05/2010	THCS Tân Phước	4.25	6.25	3.75	14.25
739	510739	Hoàng Thủy Tiên	x	28/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	8.25	6.00	19.50
740	510740	Lê Vũ Thủy Tiên	x	26/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.50	8.25	22.75
741	510741	Phạm Duy Tiến		28/03/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	8.00	7.50	19.50
742	510742	Bùi Đình Tiến		05/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	7.75	4.00	16.50
743	510743	Phạm Đức Tiến		30/10/2010	THCS Tân Phước	5.50	9.00	6.50	21.00
744	510744	Phan Khắc Tiến		11/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.50	7.75	5.50	17.75
745	510745	Phan Minh Tiến		22/10/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	5.25	3.25	13.25
746	510746	Nguyễn Thành Tiến		24/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	7.25	4.50	17.25
747	510747	Lê Thị Tất Tinh	x	12/02/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	7.75	4.00	16.75
748	510748	Đỗ Đức Toàn		08/10/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	6.25	3.50	14.75
749	510749	Nguyễn Lê Hữu Toàn		26/08/2010	THCS Phú Mỹ	3.75	7.00	7.00	17.75
750	510750	Nguyễn Thanh Toàn		09/01/2008	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.50	4.25	3.00	10.75
751	510751	Đinh Xuân Toàn		28/09/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	8.00	7.00	20.75
752	510752	Trần Phú Ngọc Trai		02/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.50	9.50	8.75	25.75
753	510753	Cao Nguyễn Trang	x	23/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.00	8.25	22.25
754	510754	Nguyễn Phương Trang	x	02/02/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.00	6.75	21.75
755	510755	Đinh Thị Thu Trang	x	17/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.25	5.25	19.50
756	510756	Ngô Thị Thùy Trang	x	03/05/2010	THCS Phú Mỹ	6.75	7.00	5.50	19.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
757	510757	Trương Thị Thùy Trang	x	17/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.75	7.75	23.50
758	510758	Trần Thùy Trang	x	12/08/2010	THCS Tân Phước	6.00	5.25	5.25	16.50
759	510759	Nguyễn Thùy Đoan Trang	x	07/06/2010	THCS Phước Hòa	5.75	7.50	4.75	18.00
760	510760	Phạm Lê Thảo Trâm	x	22/01/2010	THCS Trương Công Định	5.75	7.50	7.75	21.00
761	510761	Bùi Ngọc Trâm	x	06/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.75	9.25	24.50
762	510762	Mai Ngọc Trâm	x	10/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	6.25	4.50	16.00
763	510763	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	x	01/07/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.25	6.75	22.00
764	510764	Võ Ngọc Trân	x	23/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.50	7.25	5.75	18.50
765	510765	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	x	07/06/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	8.50	8.25	23.50
766	510766	Trần Trọng Tri		08/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	8.00	9.50	23.50
767	510767	Nguyễn Hoàng Thùy Trinh	x	04/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	4.50	6.25	17.00
768	510768	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	x	09/10/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	8.75	9.00	23.50
769	510769	Lê Nguyễn Hồng Trinh	x	19/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	8.50	8.00	24.00
770	510770	Trần Xuân Thơ Trinh	x	26/10/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	5.00	6.25	17.25
771	510771	Lê Minh Trí		25/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.00	8.50	7.00	19.50
772	510772	Nguyễn Đức Trọng		10/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	6.75	5.00	16.75
773	510773	Đinh Nguyễn Hữu Trọng		02/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.00	8.50	6.75	20.25
774	510774	Nguyễn Quốc Trọng		14/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.50	4.50	3.25	12.25
775	510775	Võ Văn Trọng		06/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.75	6.75	8.25	19.75
776	510776	Nguyễn Chí Trung		12/09/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	8.00	4.75	18.75
777	510777	Vũ Đình Trung		25/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.25	8.50	7.50	22.25
778	510778	Nguyễn Tấn Minh Trung		13/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.50	4.25	18.75
779	510779	Nguyễn Thành Trung		23/05/2010	THCS Tân Phước	7.50	9.00	8.50	25.00
780	510780	Huỳnh Hương Trúc	x	01/01/2009	THCS Phú Mỹ	4.75	6.25	5.75	16.75
781	510781	Nguyễn Song Thanh Trúc	x	01/03/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	8.75	7.25	21.00
782	510782	Lê Thanh Trúc	x	16/05/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	5.00	4.50	15.50
783	510783	Phạm Thanh Trúc	x	11/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.00	7.50	22.00
784	510784	Trần Thị Ngọc Trúc	x	18/05/2010	THCS Tân Phước	6.25	8.75	7.75	22.75
785	510785	Nguyễn Ngọc Trường		30/03/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	8.25	4.00	18.00
786	510786	Lê Quang Trường		08/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.00	7.00	4.25	16.25
787	510787	Võ Quang Trường		23/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.75	3.00	5.00	11.75
788	510788	Nguyễn Sỹ Tấn Trường		15/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	9.00	8.50	24.00
789	510789	Lê Đắc Minh Trục		05/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	8.75	9.75	25.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
790	510790	Nguyễn Anh Tuấn		27/12/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.75	8.50	7.75	21.00
791	510791	Trần Anh Tuấn		05/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.50	3.25	4.00	14.75
792	510792	Nguyễn Bá Tuấn		29/04/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	7.00	5.75	17.75
793	510793	Nguyễn Bá Anh Tuấn		14/09/2010	THCS Phú Mỹ	5.75	8.00	4.75	18.50
794	510794	Nguyễn Minh Tuấn		09/04/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	8.50	4.00	17.75
795	510795	Trần Minh Tuấn		10/11/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	9.50	7.50	23.50
796	510796	Phạm Văn Anh Tuấn		05/01/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	6.50	5.00	17.50
797	510797	Nguyễn Võ Anh Tuấn		18/09/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	7.50	8.75	22.50
798	510798	Tạ Minh Tuệ		31/08/2010	THCS Phú Mỹ	4.75	6.50	5.25	16.50
799	510799	Trần Lê Thanh Tuyền	x	10/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	4.25	3.75	14.25
800	510800	Võ Thị Bích Tuyền	x	27/05/2010	THCS Tân Phước	7.50	5.75	3.25	16.50
801	510801	Mã Kim Tuyền	x	22/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	6.00	6.25	18.25
802	510802	Trần Ngọc Ánh Tuyết	x	04/04/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	7.50	5.25	19.25
803	510803	Nguyễn Đình Tùng		04/04/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.75	8.50	6.50	20.75
804	510804	Phạm Thanh Tùng		18/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	9.00	7.50	22.50
805	510805	Hà Anh Tú		16/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	6.50	6.00	18.25
806	510806	Nguyễn Lê Tuấn Tú		18/02/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.75	8.75	5.50	21.00
807	510807	Nguyễn Lê Tuấn Tú		06/08/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	8.75	8.00	22.25
808	510808	Nguyễn Ngọc Tú	x	27/06/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	6.25	6.25	17.50
809	510809	Trần Nguyễn Minh Tú	x	28/01/2010	THCS Tân Phước	7.75	7.75	5.75	21.25
810	510810	Nguyễn Thành Tú		11/03/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	8.25	5.50	18.75
811	510811	Nguyễn Thị Cẩm Tú	x	15/02/2010	THCS Tân Phước	7.25	6.00	6.75	20.00
812	510812	Phạm Thị Cẩm Tú	x	24/03/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.25	8.50	7.25	22.00
813	510813	Nguyễn Ngọc Tường		22/06/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	4.75	3.75	13.50
814	510814	Nguyễn Đức Uy		31/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.75	9.00	9.25	24.00
815	510815	Trần Hoàng Kim Uyên	x	14/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.00	8.50	2.75	17.25
816	510816	Phạm Nhã Uyên	x	17/10/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	8.50	5.00	20.00
817	510817	Nguyễn Phan Kiều Uyên	x	06/10/2010	THCS Phú Mỹ	5.00	2.75	3.50	11.25
818	510818	Trần Thị Mỹ Uyên	x	01/01/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.00	8.50	4.00	19.50
819	510819	Lê Thị Thu Uyên	x	14/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.75	8.75	8.75	25.25
820	510820	Nguyễn Thùy Thảo Uyên	x	05/12/2010	THCS Tân Phước	7.50	7.50	6.25	21.25
821	510821	Ngô Tổ Uyên	x	12/11/2009	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	3.75	6.25	15.75
822	510822	Huỳnh Trần Phương Uyên	x	05/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.75	5.75	20.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
823	510823	Hoàng Hải Hồng Vân	x	24/01/2010	THCS Tân Phước	7.00	9.00	8.75	24.75
824	510824	Huỳnh Mỹ Vân	x	05/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.25	7.00	4.50	19.75
825	510825	Cù Nguyễn Hoàng Vân	x	03/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.00	8.75	7.75	23.50
826	510826	Trần Phan Thanh Vân	x	08/02/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	4.75	4.25	14.75
827	510827	Ngô Thanh Vân	x	11/06/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.50	8.25	9.00	22.75
828	510828	Ngô Thị Cẩm Vân	x	19/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.75	8.75	8.25	23.75
829	510829	Lê Thị Hải Vân	x	22/04/2009	THCS Phan Chu Trinh	7.00	9.00	9.00	25.00
830	510830	Phạm Thị Hồng Vân	x	31/07/2010	THCS Phú Mỹ	6.00	7.50	3.00	16.50
831	510831	Nguyễn Thoại Vân	x	06/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.00	5.50	19.50
832	510832	Nguyễn Trần Bảo Vi	x	10/11/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.25	7.75	23.00
833	510833	Hoàng Quốc Việt		09/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	3.00	6.50	2.50	12.00
834	510834	Nguyễn Quốc Việt		21/02/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.25	8.50	23.75
835	510835	Nguyễn Quốc Việt		25/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	9.00	8.25	24.50
836	510836	Nguyễn Thế Vinh		07/10/2010	THCS Tân Phước	6.00	8.75	6.25	21.00
837	510837	Lê Thiện Bảo Vinh		17/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.25	7.75	8.50	23.50
838	510838	Cáp Trọng Đức Vinh		14/08/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	6.50	8.00	9.00	23.50
839	510839	Lê Xuân Vinh		11/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.50	4.50	8.75	17.75
840	510840	Nguyễn Hoàng Vũ		05/10/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	4.25	5.00	3.00	12.25
841	510841	Lê Long Vũ		19/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.00	8.50	8.75	23.25
842	510842	Đặng Trần Phước Vũ		02/03/2010	THCS Phú Mỹ	5.50	5.50	3.50	14.50
843	510843	Nguyễn Anh Vy	x	23/04/2010	THCS Tân Phước	3.50	7.50	4.25	15.25
844	510844	Trần Diệu Thảo Vy	x	28/03/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.00	4.75	5.00	15.75
845	510845	Vũ Đỗ Phương Vy	x	26/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	7.75	8.00	21.25
846	510846	Phan Đỗ Tường Vy	x	27/05/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	8.00	6.25	19.75
847	510847	Lê Hà Vy	x	21/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.25	7.75	6.25	21.25
848	510848	Nguyễn Hoàng Vy	x	11/11/2010	THCS Tân Phước	6.00	7.75	6.00	19.75
849	510849	Võ Hoàng Lê Vy	x	27/12/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.00	4.00	5.00	14.00
850	510850	Trần Hoàng Nhật Vy	x	06/06/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.25	9.25	24.50
851	510851	Phạm Lê Thảo Vy	x	11/07/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.50	8.75	8.00	22.25
852	510852	Chế Ngọc Vy	x	07/01/2010	THCS Tân Phước	5.50	8.00	2.75	16.25
853	510853	Trần Ngọc Khánh Vy	x	21/05/2010	THCS Phước Hòa	4.50	8.25	7.75	20.50
854	510854	Vương Ngọc Khánh Vy	x	13/04/2010	THCS Tân Phước	5.75	6.75	4.75	17.25
855	510855	Trần Ngọc Phương Vy	x	04/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	4.00	2.00	3.50	9.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
856	510856	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	x	25/07/2010	THCS Phú Mỹ	7.00	8.75	7.00	22.75
857	510857	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	x	05/06/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	7.00	5.75	16.75
858	510858	Huỳnh Ngọc Thúy Vy	x	31/01/2010	THCS Phú Mỹ	4.00	3.00	2.00	9.00
859	510859	Châu Nguyễn Khánh Vy	x	11/05/2010	THCS Phan Chu Trinh	7.75	9.00	8.75	25.50
860	510860	Trương Nhã Vy	x	23/05/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.25	6.75	7.50	19.50
861	510861	Nguyễn Thị Hà Vy	x	14/08/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	6.50	6.50	5.75	18.75
862	510862	Hà Thị Tường Vy	x	12/10/2010	THCS Phan Chu Trinh	8.00	8.00	7.50	23.50
863	510863	Huỳnh Trần Hoàng Vy	x	08/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.25	8.50	8.50	24.25
864	510864	Nguyễn Trần Thảo Vy	x	08/11/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.25	5.75	8.75	20.75
865	510865	Phạm Tường Vy	x	09/12/2010	THCS Trương Công Định	6.75	5.50	5.50	17.75
866	510866	Trần Tường Vy	x	03/04/2010	THCS Hùng Vương (PM)	5.50	6.50	4.75	16.75
867	510867	Ngô Vũ Tường Vy	x	13/12/2010	THCS Tân Phước	7.50	7.25	6.50	21.25
868	510868	Trần Vũ Yến Vy	x	17/07/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.75	6.75	5.00	17.50
869	510869	Nguyễn Triều Vỹ		24/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	5.75	3.50	15.75
870	510870	Trần Thanh Xuân	x	06/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	5.25	5.25	3.00	13.50
871	510871	Nguyễn Văn Xuân		02/03/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	4.25	7.75	8.50	20.50
872	510872	Nguyễn Bảo Y		22/09/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	7.25	9.00	7.00	23.25
873	510873	Phạm Hoàng Hải Yến	x	06/02/2010	THCS Phú Mỹ	4.50	3.75	3.00	11.25
874	510874	Trần Lê Xuân Yến	x	26/12/2010	THCS Phan Bội Châu (PM)	5.50	8.75	5.75	20.00
875	510875	Trần Thị Ngọc Yến	x	04/12/2010	THCS Phú Mỹ	5.25	7.00	4.50	16.75
876	510876	Trương Thị Ngọc Yến	x	18/07/2010	THCS Tân Phước	7.25	7.75	6.25	21.25
877	510877	Lại Võ Hoàng Yến	x	29/05/2010	THCS Phú Mỹ	6.50	7.25	6.25	20.00
878	510878	Nguyễn Hoài Như Ý	x	18/02/2010	THCS Phan Chu Trinh				0.00
879	510879	Lê Lâm Như Ý	x	16/08/2010	THCS Phan Chu Trinh	6.50	8.75	5.50	20.75
880	510880	Trần Ngọc Như Ý	x	17/11/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	7.00	5.00	4.75	16.75
881	510881	Lê Như Ý	x	22/09/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.25	5.50	3.50	14.25
882	510882	Trần Thùy Như Ý	x	07/06/2010	THCS Võ Văn Kiệt (PM)	5.50	7.75	7.50	20.75

Bảng này có 882 thí sinh. Có 874 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.